

Vai trò mạng lưới xã hội trong tìm kiếm việc làm của người dịch chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị

(Nghiên cứu trường hợp tại xã Thư Phú, Thường Tín, Hà Nội)

Phí Hải Nam

Viên Nghiên cứu Gia đình và Giới

Nguyễn Thị Lập Thu

Bộ môn Xã hội học - Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tóm tắt: Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã làm cho diện tích đất nông nghiệp của khu vực nông thôn bị suy giảm, lao động dư thừa và vì vậy hiện tượng dịch chuyển lao động từ nông thôn ra đô thị trở nên phổ biến. Kết quả nghiên cứu trường hợp Thư Phú, Thường Tín, Hà Nội đã chỉ ra rằng để giảm thiểu những khó khăn của chính bản thân mình và tăng khả năng tiếp cận việc làm, người lao động đã sử dụng mạng lưới xã hội như thông qua mối liên hệ ruột thịt, bạn bè hoặc đồng hương trong quá trình dịch chuyển. Mạng lưới xã hội cũng giúp người dịch chuyển lao động giảm bớt rủi ro việc làm ăn hàng ngày ở môi trường phức tạp, tạo điều kiện thuận lợi cho họ hòa nhập với cuộc sống mới ở đô thị và góp phần ổn định đời sống xã hội tại địa phương.

Từ khóa: Dịch chuyển lao động nội địa; Mạng lưới xã hội; Việc làm.

1. Đặt vấn đề

Quá trình Đổi mới được thực hiện từ 1986 ở Việt Nam đã làm gia tăng mạnh mẽ dân số dịch chuyển lao động. Hơn nữa, để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, từ giai đoạn 2001 đến 2005, theo số liệu của Bộ Tài nguyên Môi trường, diện tích đất nông nghiệp đã giảm đi 366.000 ha, tương ứng với 4% tổng diện tích đất nông nghiệp cả nước, hơn 73.000 ha đất nông nghiệp bị chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp và trực tiếp ảnh hưởng đến 2,5 triệu người (Nguyễn Thị Diên, 2012; Vũ Hữu Sự, 2008; Lê Hân, 2007). Sự xuất hiện các khu công nghiệp và khu đô thị đã làm cho diện tích đất nông nghiệp của khu vực nông thôn ngày càng bị thu hẹp, tình trạng dư thừa lao động của khu vực nông thôn ngày càng tăng nhanh và dịch chuyển lao động xảy ra như một hệ quả tất yếu.

Như vậy, những thay đổi về cơ chế kinh tế và quá trình công nghiệp hóa đã làm cho dịch chuyển lao động nông thôn ra thành thị gia tăng một cách đột biến (Jytte Agegaard, 2011; Tổng cục Thống kê, 2006). Theo Tổng cục Thống kê, năm 2009, dịch chuyển lao động nội địa ở Việt Nam đã tăng từ 1,3 triệu năm 1989, lên 2 triệu năm 1999 và 3,4 triệu năm 2009; trong đó, dân số nữ dịch chuyển lao động được thống kê chiếm khoảng 52% số người dịch chuyển lao động liên tỉnh ở Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2010).

Trong quá trình dịch chuyển lao động, “mạng lưới xã hội dịch chuyển lao động đã được thiết lập thông qua các sợi dây liên hệ giữa những người dịch chuyển lao động với nhau và giữa những người dịch chuyển lao động và người không dịch chuyển đang sinh sống ở địa phương thông qua mối liên hệ ruột thịt, bạn bè hoặc đồng hương” (Douglas S. Massey, 1993). Tilly (1990) nhấn mạnh rằng sở dĩ người dịch chuyển lao động thiết lập hệ thống xã hội của mình là bởi nó nhằm giảm chi phí tìm việc, giảm chi phí thông tin và cung cấp những thông tin hữu ích cho người dịch chuyển lao động về điểm đến, giúp đỡ họ trước, trong và sau quá trình dịch chuyển lao động, cung cấp tài chính cho quá trình di chuyển của người lao động. Mạng lưới xã hội, do vậy, đóng một vai trò quan trọng trong quá trình dịch chuyển lao động ở điểm đi và điểm đến, đồng thời cũng chính là sợi dây liên kết giữa người dịch chuyển lao động với cộng đồng, gia đình nơi họ đã ra đi. Nghiên cứu về mạng lưới xã hội sẽ góp phần không nhỏ đánh giá tác động của dịch chuyển lao động đến cộng đồng nông thôn và đô thị ở Việt Nam để có những giải pháp giảm thiểu rủi ro trong quá trình dịch chuyển lao động cho người lao động, đặc biệt trong bối cảnh

16 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 25, số 3, tr. 14-26

một làng ven đô như xã Thư Phú, Thường Tín, Hà Nội.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, dịch chuyển lao động là hiện tượng được xem xét trong đó người lao động di chuyển từ phạm vi địa lý này sang phạm vi địa lý khác nhằm tìm kiếm các cơ hội việc làm tạm thời hoặc vĩnh viễn (Phạm Đức Thành, 1998). Người dịch chuyển lao động được tính là những hộ di chuyển từ nông thôn vào thành phố trong dịp nông nhàn, hoặc trong điều kiện thiếu việc làm thường xuyên, việc làm có thu nhập hàng ngày, hàng tuần hoặc hàng tháng, bao gồm cả yếu tố có lưu trú tạm thời hoặc lâu dài. Từ đó, nghiên cứu lựa chọn 40 hộ gia đình ra thành phố Hà Nội buôn bán, làm ăn, tìm kiếm việc làm với tổng 44 người dịch chuyển lao động để tìm hiểu mạng lưới xã hội của người dịch chuyển lao động. Thông tin thứ cấp được thu thập từ UBND xã Thư Phú, các thôn và Ban thống kê xã. Thông tin sơ cấp được thu thập qua 40 bảng hỏi các hộ gia đình có người dịch chuyển lao động nhằm tìm hiểu các liên kết mạnh và liên kết yếu của người dịch chuyển lao động đối với tìm kiếm việc làm. Ngoài ra, 10 phỏng vấn sâu cũng đã được thực hiện với các thành viên không dịch chuyển lao động trong hộ, người dịch chuyển lao động đã trở về, trưởng thôn và cán bộ cơ sở nhằm tìm hiểu những liên hệ mạng lưới xã hội đã được thiết lập giữa người dịch chuyển lao động và các thành viên khác ở điểm đi và điểm đến. Nghiên cứu cũng đã thực hiện hai thảo luận nhóm với việc sử dụng công cụ bản đồ Venn trong hệ thống công cụ tiếp cận nhanh nông thôn có sự tham gia (PRA) để xác định các mô hình liên kết giữa các cá nhân theo mô hình liên kết mạnh và liên kết yếu, xác định mô hình liên kết truyền thống, mô hình chức năng và mô hình hỗn hợp.

3. Thực trạng dịch chuyển lao động nông thôn, đô thị tại xã Thư Phú, Thường Tín, Hà Nội:

3.1. Số lượng dịch chuyển lao động, độ tuổi và trình độ học vấn

Trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, với những thay đổi kinh tế và xã hội trong thời kỳ hội nhập kinh tế toàn cầu, thì xã Thư Phú cũng xuất hiện tình trạng dịch chuyển lao động ra Hà Nội của một số hộ gia đình trong xã.

Bảng 1 và 2 cho thấy người dịch chuyển lao động nội địa tập trung chủ yếu vào độ tuổi từ 26 – 33 (17 người) và 34-41 (15 người), trong khi độ tuổi dưới 25 và trên 41 chiếm một số lượng ít hơn (lần lượt là 5 và 8

Bảng 1. Tuổi và trình độ học vấn của người dịch chuyển lao động

Độ tuổi	Số lượng	Trình độ	Số lượng
18 – 25	4	Tiểu học	2
26 – 33	17	THCS	9
34 – 41	15	PTTH	30
42 – 46	8	Trung cấp	3
Tổng	44	Tổng	44

Nguồn: Số liệu điều tra 2014.

Bảng 2. Tình trạng kết hôn và giới tính của những người dịch chuyển lao động

Tình trạng kết hôn	Số lượng	Giới tính	Số lượng
Kết hôn	35	Nam	23
Độc thân	9	Nữ	21
Tổng	44	Tổng	44

Nguồn: Số liệu điều tra 2014.

người). Trình độ học vấn của người dịch chuyển lao động nhìn chung ở mức trung bình, chiếm số lượng cao nhất là nhóm có trình độ học vấn phổ thông trung học (30/44). Trong số những người dịch chuyển lao động, người đã kết hôn (35 người) chiếm số lượng lớn hơn những người sống độc thân (9 người). Chênh lệch giới tính trong nhóm người dịch chuyển lao động là không đáng kể (23 nam so với 21 nữ). Công việc mà nhóm đảm trách là thu mua các mặt hàng nông sản như: rau, củ, quả và những vật phẩm thiết yếu phục vụ sinh hoạt hàng ngày từ nơi mình sinh sống hoặc từ các xã, huyện lân cận có các mặt hàng nông sản đem lên các chợ đầu mối Hà Nội bán hoặc giao cho các nhà hàng, siêu thị, khách sạn. Có gia đình chồng/con đi giao hàng cho các nhà hàng, khách sạn, người vợ/mẹ tranh thủ ở lại bán lẻ tại chợ. Thủ Phủ tuy chỉ cách Hà Nội hơn 20km nhưng công việc này đòi hỏi người lao động phải di chuyển nhiều,

18 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 25, số 3, tr. 14-26

vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn và công kềnh.

3.2. Thời gian dịch chuyển và điểm đến của người dịch chuyển lao động

Thời gian dịch chuyển lao động là một hình thức phản ánh tình hình dịch chuyển lao động của hộ gia đình tại địa bàn.

Kết quả điều tra cho thấy người dịch chuyển lao động tại xã Thư Phú chọn điểm đến là các quận nội thành Hà Nội và đi chủ yếu trong ngày. “*Khoảng cách từ Thư Phú vào thủ đô đi lại cũng dễ dàng, chúng tôi vừa buôn bán mà vẫn sản xuất nông nghiệp được tại xã, có thể chăm gia đình được. Khi gia đình, dòng họ có công việc vẫn có thể dễ dàng mà về*” (PVS, nữ, 40 tuổi). Như vậy, yếu tố địa lý đã ảnh hưởng đến sự lựa chọn điểm đến cũng như thời gian của người dịch chuyển lao động. Một ngày làm việc của một người buôn bán rau củ quả tại xã Thư Phú khá bận rộn, họ dậy sớm từ 2 - 3h sáng bắt đầu phiên chợ và kết thúc việc buôn bán vào tầm hơn 12h trưa. Sau khi di chuyển về nhà, người lao động chỉ có 3 tiếng nghỉ ngơi và làm các công việc nhà, và cứ khoảng 3 đến 4h chiều họ đi qua các xã trồng rau lân cận, thu mua nông sản, sau đó chỉ có thêm vài tiếng ngủ nữa trước khi rời nhà lên thành phố giao hàng. Thời gian lao động của nhóm thuộc diện khảo sát thể hiện những đặc thù về thời gian biểu của một người dịch chuyển lao động trong cự li gần với việc họ xoay vòng thời gian linh động, cố gắng thúc đẩy hoạt động để đáp ứng thị trường tại điểm đến và từ đó tìm kiếm nguồn lợi cho hộ gia đình. Tuy nhiên, thời gian nghỉ ngơi của người lao động vô cùng ngắn ngủi, chỉ 3-4 tiếng trong một ngày, nên cũng ảnh hưởng khá nhiều tới sức khỏe của

Bảng 3. Điểm đến và thời gian dịch chuyển lao động

Điểm đến	Số lượng	Thời gian di	Số lượng
Các quận nội thành Hà Nội	35	Trong ngày	30
Các huyện ngoại thành Hà Nội	9	Trong tuần	8
Tỉnh, thành phố khác	0	Trong tháng	6
Tổng	44	Tổng	44

Nguồn: Số liệu điều tra 2014.

người dịch chuyển lao động. Bên cạnh đó, thời gian các cặp vợ chồng chăm sóc con cái gần như không có. Đây được coi là một trong những yếu tố có thể gây nguy cơ lâu dài nếu sự dịch chuyển thiếu đi sự hỗ trợ của các thành viên khác trong gia đình như người già hay anh em họ hàng ở lại sinh sống làm việc tại địa phương.

4. Vai trò mạng lưới xã hội trong tìm kiếm việc làm tại điểm đến của người dịch chuyển lao động

4.1. Quyết định dịch chuyển lao động và lựa chọn nơi dịch chuyển lao động

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì vấn đề việc làm luôn được đặt lên hàng đầu và là trọng tâm của sự phát triển. Hàng ngày việc làm tạo ra thu nhập để cải thiện cuộc sống cho người dân, là một trong những hoạt động mưu sinh của con người. Quyết định dịch chuyển lao động là một trong những quyết định quan trọng của các hộ gia đình và quyết định đó bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố.

Quyết định di chuyển của người dịch chuyển lao động có sự khác nhau đáng kể, hầu hết là do người dịch chuyển lao động hoặc người thân quyết định và sự ra đi của người dịch chuyển lao động chịu ảnh hưởng rất mạnh từ mối quan hệ gia đình, anh em ruột thịt và vợ chồng hơn là những mối quan hệ khác. Trong đó, mạng lưới xã hội có những ảnh hưởng nhất định

Bảng 4. Quyết định dịch chuyển lao động

Người quyết định	Số lượng
Tự quyết định	20
Vợ chồng con cái	15
Bố mẹ	5
Cả nhà	1
Họ hàng	2
Khác	1
Tổng	44

Nguồn: Số liệu điều tra 2014.

20 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 25, số 3, tr. 14-26

Bảng 5. Nguồn thông tin về điểm đến

Nguồn thông tin	Số lượng
Họ hàng	13
Bè bạn	11
Bố mẹ, vợ chồng	5
Anh chị em	12
Đài, báo, tivi	1
Trung tâm xúc tiến việc làm	0
Khác	2
Tổng	44

Nguồn: Số liệu điều tra 2014.

tới sự lựa chọn điểm đến cũng như giữ vai trò tích cực trong việc kết nối người di chuyển và mạng lưới dịch chuyển lao động.

Có thể nói, tỷ lệ người có thông tin từ gia đình, họ hàng và anh chị em lớn hơn nhiều so với các nguồn thông tin khác. Người dịch chuyển lao động thường tận dụng những mối quan hệ có sẵn của mình, đặc biệt là các quan hệ có tính chất bền vững ổn định để tìm kiếm việc làm. Số người di chuyển có được thông tin từ trung tâm xúc tiến việc làm và từ báo chí là tương đối nhỏ, cho thấy đây không phải là nguồn thông tin có ý nghĩa đối với người dịch chuyển lao động thuộc phạm vi nghiên cứu.

4.2. Hình thức trợ giúp tại nơi đến

Sự có mặt của gia đình, người thân, anh chị em họ mạc tại điểm đến còn giúp cho người dịch chuyển lao động dễ dàng thích ứng với môi trường làm việc của mình. Người dịch chuyển lao động chủ yếu đi làm việc tại các chợ đầu mối lớn như chợ đầu mối Nam Hà Nội, Long Biên, Ngã Tư Sở, Dịch Vọng, các chợ lớn khác như chợ Hàng Bè, Hòm Đức Viên, Hòa Bình, v.v. Việc lựa chọn địa điểm do bạn bè đã dịch chuyển lao động tới đó giới thiệu, công việc không đòi hỏi trình độ học vấn cao. Tuy vậy, trong quá trình đó, người dịch chuyển lao động đã nhận được sự trợ

Bảng 6. Hình thức trợ giúp tại điểm đến

Nguồn thông tin	Số người
Nơi ở	0
Cho tiền kinh doanh	12
Hỗ trợ tinh thần	3
Cung cấp phương tiện sản xuất	3
Cung cấp thông tin việc làm	15
Giới thiệu đối tác	9
Khác	2
Tổng	44

Nguồn: Số liệu điều tra 2014.

giúp từ mạng lưới xã hội bởi nhiều yếu tố.

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng loại hình trợ giúp về mặt kinh tế và giúp tìm thông tin chiếm số lượng cao nhất với người dịch chuyển lao động (12 người dịch chuyển lao động được giúp đỡ về kinh tế và 15 người được cung cấp thông tin). Buôn bán rau củ quả cần một lượng vốn khá lớn (tối thiểu 15-20 triệu) và cần phương tiện đi lại (xe máy, xe tải nhỏ), nên người dịch chuyển lao động trông cậy vào bạn bè, người thân họ hàng nhầm vay hoặc nhận hỗ trợ ban đầu về nguồn vốn. Hơn nữa, họ chưa có nhiều thông tin và kinh nghiệm buôn bán ở đô thị, nên việc trợ giúp thông tin về việc làm cũng như các mặt hàng buôn bán là rất cần thiết. Một số người dân ở Thủ Phú còn thông qua sự giúp đỡ của người quen để mua chỗ ngồi cố định tại các chợ đầu mối để làm ăn được ổn định: “Tôi mua một điểm ngồi ở chợ Phùng Khoang một tháng trả 15 triệu, bao gồm cả tiền điện nước và tiền quản lý chợ. May có người nhà làm ở ban quản lý chợ, tôi cũng chọn được điểm đẹp làm ăn cũng ổn định. Nay chợ chuyển sang chợ tạm thì chỗ ngồi của tôi vẫn được giữ ở vị trí theo sắp xếp của Ban quản lý” (PVS, nữ, 37 tuổi). Có được sự hỗ trợ đã giúp cho người dịch chuyển lao động thích ứng được với công việc, nơi ở, đồng thời giúp họ vượt qua những khó khăn ban đầu tại điểm đến của mình.

22 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 25, số 3, tr. 14-26

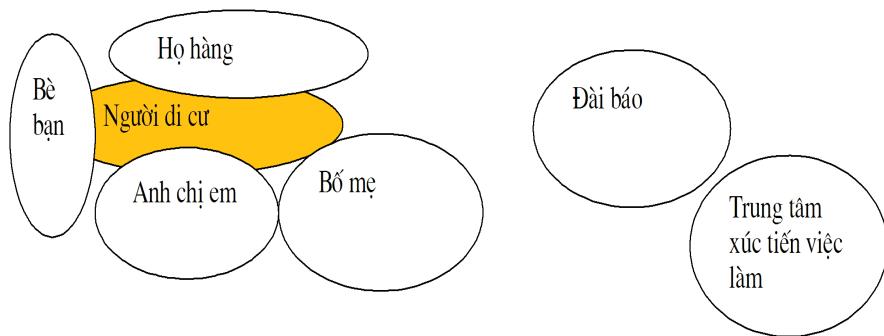
5. Các mô hình mạng lưới xã hội trong tìm kiếm việc làm của người dịch chuyển lao động

5.1. Mô hình mạng lưới xã hội truyền thống

Mô hình mối quan hệ xã hội truyền thống và có liên kết mạnh này được thể hiện trong sơ đồ Venn sau đây.

Các mối quan hệ truyền thống như gia đình, họ hàng, anh chị em bố mẹ tỏ ra bền vững hơn so với các quan hệ xã hội khác. Các mối liên hệ

**Sơ đồ Venn về liên kết mạnh trong tìm kiếm việc làm
của người dịch chuyển lao động**



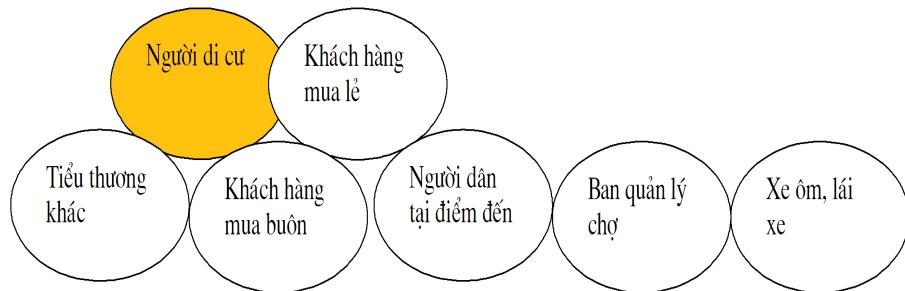
Nguồn: Số liệu điều tra 2014.

chịu tác động của những yếu tố cố kết cộng đồng, các mối quan hệ gia đình thân tộc. Đây là cầu nối người dịch chuyển lao động với điểm đến cũng như hỗ trợ việc làm cho họ tại điểm đến. Những đặc tính tương tác xã hội trực tiếp này thường xuyên tạo ra các quan hệ xã hội thân thiết và có “sức mạnh ngầm”. Trong khi đó báo chí và trung tâm xúc tiến việc làm được người dịch chuyển lao động coi là mang tính chất gián tiếp thông qua những cá nhân khác.

5.2. Mô hình mạng lưới xã hội chức năng

Ngoài quan hệ gia đình, quan hệ giữa người dịch chuyển lao động với các nhóm, các tổ chức cũng giúp đỡ cho người dịch chuyển lao động trong quá trình sống và làm việc tại điểm đến. Với người bán rau củ quả tại xã Thanh Phú thì đó là quan hệ đồng nghiệp, bạn bè, quan hệ đồng hương, quan hệ làng xóm tại điểm đến với các mức độ thân thiết hoặc giao tiếp bình thường nhưng giúp cho công việc buôn bán kinh doanh của họ thuận lợi

**Sơ đồ Venn về liên kết chức năng trong tìm kiếm việc làm
của người dịch chuyển lao động**



Nguồn: Số liệu điều tra 2014.

và nhanh chóng.

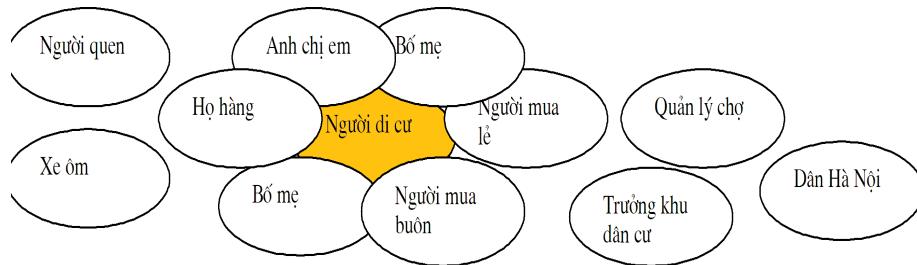
Một dạng vai trò đặc biệt trong quá trình tìm kiếm việc làm của người dịch chuyển lao động đó là những người buôn bán rau khi chưa có các mối quan hệ có sẵn và sự hiểu biết về điểm đến, họ thiết lập những thông tin về nơi đến của mình thông qua các mối quan hệ chức năng mạnh như khách hàng mua buôn, khách hàng mua lẻ, hoặc các tiểu thương khác thông qua các chuyến đi chào hàng thử nghiệm của họ: “*Lúc đầu vợ chồng em cũng phải nhập rau rồi đi xe ra các chợ đầu mối hỏi dò các chủ buôn lớn xem họ có nhập không, lân la hỏi các tiểu thương chợ đầu mối xem bán loại rau có gì thì dân Hà Nội họ thích. Khi buôn bán, chúng em cũng thiết lập liên hệ cả với các bác quản lý chợ, các anh xe ôm, các anh lao động để có thông tin nhiều hơn mà buôn bán cho dễ*” (PVS, nam, 36 tuổi).

5.3. Mô hình mạng lưới xã hội hỗn hợp

Một dạng thức mô hình mạng lưới xã hội đã được người dân huy động trong quá trình tìm kiếm và duy trì việc làm tại điểm đến đó là mô hình kết hợp giữa các quan hệ xã hội truyền thống từ họ hàng thân tộc và các quan hệ chức năng thông qua các nhóm xã hội.

Theo Mark Granovetter (1973), các quan hệ gián tiếp, lỏng lẻo đôi khi lại có những tác dụng quan trọng, ông gọi đó là “sức mạnh của những liên kết yếu”. Từ một mối quan hệ xã giao với chủ hàng và tiểu thương, hay vài ba lần thăm hỏi trong quá trình buôn bán, thì chính những quan hệ lỏng lẻo đứng sau các quan hệ bền chặt lại có thể đáp ứng những nhu cầu

**Sơ đồ Venn về liên kết hỗn hợp trong tìm kiếm việc làm
của người dịch chuyển lao động**



Nguồn: Số liệu điều tra 2014.

của người dịch chuyển lao động. Quan hệ thông qua quan hệ, hoặc các quan hệ trực tiếp nhưng với cường độ giao tiếp thấp, mức độ quan hệ không chặt chẽ. “*Chị nhờ chị cùng làng giới thiệu cho chị chủ hàng ở chợ đầu mối phía nam, chị xin số và gọi điện hỏi nhà ấy có nhập rau củ không. Rồi thì cứ đưa hàng qua lại, mấy năm rồi đấy, giờ thành mối quen hàng ngày, có khi còn cho nhau nợ tiền. Hiểu hỉ giờ cũng thăm nhau ấy, tình cảm lắm*” (PVS, nữ, 43 tuổi). Quan hệ xã hội có ảnh hưởng đến tìm kiếm việc làm của người dịch chuyển lao động, là cơ sở để người dân quyết định tìm kiếm cơ hội tại điểm đến. Mặt khác, các quan hệ ban đầu có khi chỉ mang tính chất trao đổi giữa người mua và người bán, người nhập hàng với người cung cấp hàng, người thuê và người nhận thuê, nhưng quan hệ xã hội đó lại được duy trì và trở thành một nhân tố quan trọng giúp người dịch chuyển lao động phát triển cơ sở công việc của mình. Thông qua các mối quan hệ truyền thống tại điểm đi và điểm đến, người dịch chuyển lao động tìm kiếm những điều kiện thuận lợi hơn để họ làm việc và thích ứng với môi trường công việc tại điểm đến.

6. Một số nhận xét bước đầu

Thực trạng dịch chuyển lao động của hộ gia đình tại thôn Thú Phú, Thường Tín, Hà Nội cho thấy người dịch chuyển lao động nằm trong độ tuổi từ 18-46 tuổi, nữ giới và nam giới có tỷ lệ dịch chuyển lao động khá ngang bằng. Hầu hết những người dịch chuyển lao động có trình độ học vấn trung bình, chủ yếu thực hiện công việc buôn bán rau củ quả tại các quận nội thành của thành phố Hà Nội và đi về trong ngày. Công việc của

những người dịch chuyển lao động con lắc không cần đền trình độ cao nhưng đòi hỏi thời gian làm việc kéo dài.

Mạng lưới xã hội đã góp phần tìm kiếm việc làm cũng như thúc đẩy hiệu quả của việc làm ở nơi người dịch chuyển lao động chuyển đến. Mạng lưới dịch chuyển lao động đã cung cấp tiền bạc, bảo lãnh, hợp pháp hóa người dịch chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị. Mạng lưới xã hội giúp người dịch chuyển lao động giảm bớt rủi ro việc làm ăn hàng ngày ở môi trường phức tạp, tạo điều kiện thuận lợi cho họ hòa nhập với cuộc sống mới ở đô thị và góp phần ổn định đời sống xã hội tại địa phương

Các mô hình mạng lưới xã hội đã được sử dụng rộng rãi trong tìm kiếm việc làm của người dịch chuyển lao động. Mạng lưới xã hội truyền thống với bố mẹ, anh em, họ hàng, bạn bè đã giúp đỡ người dịch chuyển lao động cả về vật chất và tinh thần để họ có việc làm và duy trì việc làm tại điểm đến. Mạng lưới xã hội chức năng với các nhóm xã hội người dịch chuyển lao động tham gia như nhóm tiểu thương, nhóm các đại lý, nhóm quản lý chợ đầu mối cũng có vai trò quan trọng. Trái với giả thiết là mô hình mạng lưới chức năng được sử dụng phổ biến, kết quả nghiên cứu đã cho thấy mô hình mạng lưới xã hội hỗn hợp (kết hợp liên kết mạnh và liên kết yếu) được sử dụng khá hiệu quả. Mạng lưới xã hội không chỉ giúp người dịch chuyển lao động thiết lập việc làm qua các quan hệ xã hội mà còn giúp họ duy trì và phát triển việc làm tại điểm đến. Nhờ có mạng lưới xã hội, các thành viên của mạng lưới có trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích ràng buộc lẫn nhau; đồng thời giúp cho các bên gắn kết xã hội, cung cấp thông tin và nhờ vậy góp phần giảm chi phí giao dịch cho các bên tham gia mạng lưới. ■

Tài liệu trích dẫn

- Nguyễn Thị Diên. 2012. “Chuyển đổi đất nông nghiệp và chiến lược sinh kế hộ nông dân và cơ chế phân tầng xã hội ở vùng nông thôn công nghiệp hóa”. Trong: *Kỷ yếu hội thảo khoa học Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Trang 22-36.
- Vũ Hữu Sự. 2008. “Nông dân mất đất, câu chuyện đến hồi gay cấn. Bài 1 Ăn hết bờ xôi ruộng mặt”. *Báo Nông nghiệp Việt Nam*, số 7.
- Lê Hân. 2007. “Thông tin kết quả điều tra về thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp và đô thị”. *Báo Nông thôn ngày nay*, 5: 11-13.
- Phạm Đức Thành và Mai Quốc Chánh. 1998. *Giáo trình Kinh tế Lao động*. Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.

26 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 25, số 3, tr. 14-26

- Phạm Tất Đồng và Lê Ngọc Hùng. 2001. *Xã hội học đại cương*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Richard A Posner, E. B. R. 1999. "Creating and enforcing norms, with special reference to sanctions". *International Review of Law and Economics*, 19(3): 369-382.
- Rigg, J. 1997. *Southeast Asia: The human landscape of Modernization and Development*. London, Routledge.
- General Statistical Office and U. a. 2010. *Internal migration: Opportunities and Challenges for Viet nam Development*. Vietnam Migration Survey. General Statistical Office.
- General Statistical Office and U. U. N. P. F. 2006. *Vietnam Migration Survey: The quality of life of migrants in Vietnam*. Hanoi, Statistic Publishing House.
- Jytte Agegaard and Vũ Thị Thảo. 2011. "Mobile, Flexible and Adaptable: Female Migrants in Hanoi's informal sector". *Population, Space and Place*, 17: 407-420.
- Douglas S. Massey, J. A., Graeme Hugo, Ali Kouaouci, Adela Pellegrino and J. Edward Taylor. 1993. "Theories of International Migration: A Review and Appraisal". *Population and Development Review*, 19(3): 431-466.
- Charles Tilly. 1990. *Transplanted Networks*, in Virginia Yans-McLaughlin, ed., *Immigration Reconsidered. History, Sociology, and Politics*.
- Sarah Dolfin, G. G. May. 2010. "What Do Networks Do? The Role of Networks on Migration and "Coyote" Use". *Review of Development Economics*, 14 (2): 141-403.
- Taylor, J. E. "Differential Migration, Networks, Information and Risk". *Human Capital and Development*, 4: 147-171.
- Mark S. Granovetter (1973). The strength of Weak Ties. *American of Sociology*. Volume 78 issued 6 (May 1973), 1360-1380.